

Số: /NQ/ĐHĐCĐ

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2023

Dự thảo:

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021;
Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021.
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua các Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Điều 2. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đối với bà Nguyễn Thị Hương kể từ ngày 29/4/2023.

Điều 3. Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU			
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn	Triệu m ³	68,48	68,6
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch	Triệu m ³	58,3	57,8
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu	%	11	10,7
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	6.500	7.004
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
1	Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ)	Triệu đồng	318.824,7	318.824,7
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	517.800	529.670
	- Doanh thu nước sạch	Triệu đồng	500.000	504.076
	- Thi công xây lắp	Triệu đồng	10.000	11.418
	- Nước tinh lọc và hoạt động khác	Triệu đồng	7.800	14.176
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	451.600	463.053

4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	66.200	66.615
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	52.900	52.915
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	63.300	71.090
	- Các loại thuế, phí	Triệu đồng	47.757	50.323
	- Cổ tức trả nhà nước	Triệu đồng	15.543	20.767
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	12,8	12,6
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH	%	20,8	20,9
4	Tổng quỹ lương NLĐ	Triệu đồng	98.918	97.035
5	Tổng lao động	Người	945	927
6	Lương bình quân người/tháng	Triệu đồng	8,723	8,723

2. Báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

Các chỉ tiêu chính như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN
I	Tổng tài sản	đồng	986.287.596.480
1	Tài sản ngắn hạn	đồng	68.545.958.833
2	Tài sản dài hạn	đồng	917.741.937.647
II	Tổng nguồn vốn	đồng	986.287.596.480
1	Nợ phải trả	đồng	552.387.903.738
2	Vốn chủ sở hữu	đồng	433.899.692.742

(Chi tiết tại báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 đã được công bố thông tin trên website: hwdaco.com.vn)

3. Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán:

Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	đồng	52.900.000.000	52.915.608.889
1	Trả cổ tức bằng tiền	đồng	24.868.000.000 (7,8%)	24.868.326.600 (7,8%)
2	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: Trong đó: - Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động - Quỹ khen thưởng của BDH	đồng	12.162.000.000 11.832.000.000 330.000.000	12.172.599.622 11.843.049.622 329.550.000
3	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	đồng	15.870.000.000	15.874.682.667

4. Ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định:

Thời gian chi trả cổ tức và thực hiện các thủ tục liên quan đến chia cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

Điều 4. Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023:

1. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU		
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn	Triệu m ³	69,395
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch	Triệu m ³	58,850
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu (phần đầu duy trì)	%	11
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	6.000
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
1	Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ)	Triệu đồng	318.824,70
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	526.000
	- Nước sạch	Triệu đồng	508.700
	- Thi công xây lắp	Triệu đồng	9.600
	- Nước tinh lọc và các hoạt động khác	Triệu đồng	7.700
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	459.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	67.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	53.300
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC		
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	69.900
	- Các loại thuế, phí	Triệu đồng	53.736
	- Cổ tức trả nhà nước (dự kiến)	Triệu đồng	16.164
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	12,80%
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH	%	21%
4	Tổng quỹ lương NLĐ	Triệu đồng	98.732
5	Tổng lao động	Người	943
6	Lương bình quân người/tháng	Triệu đồng	8,725

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	Triệu đồng	53.300
1	Trả cổ tức bằng tiền thấp nhất 7,9%	%	25.187
2	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	15.990
3	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: Trong đó:		12.123
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động	Triệu đồng	11.794
	- Quỹ khen thưởng của BDH		329

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và quyết định:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế đạt được của năm 2023, quy định theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước:

- Quyết định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động;
- Quyết định trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quy định.

Điều 5. Thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT năm 2022 và định hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023

Điều 6. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động SXKD của công ty, hoạt động quản trị và Tổng giám đốc và Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát

Điều 7. Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về tiêu chí và danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2023.

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập thuộc danh sách các doanh nghiệp kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022 theo quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ tài chính và được UBCK nhà nước chấp thuận;

- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và kinh nghiệm, trung thực, khách quan, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp;

- Không có quan hệ mua bán cổ phiếu, tài sản hoặc góp vốn liên doanh với Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;

- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Danh sách đề xuất các đơn vị kiểm toán:

- Công ty kiểm toán và định giá Việt nam (VAE)

- Công ty TNHH kiểm toán An Việt (ANVIET)

- Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn (UHY).

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn và ký kết hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật

Điều 8. Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về Quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023.

1. Quyết toán tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022

1.1. Mức lương, thù lao và tổng quỹ lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/6/2022:

- Mức lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách	32.000.000	Đồng/tháng
- Mức lương Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách	28.500.000	Đồng/tháng
- Mức lương Thành viên HĐQT chuyên trách	26.000.000	Đồng/tháng
- Mức thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	6.000.000	Đồng/tháng
- Mức lương Trưởng BKS	24.500.000	Đồng/tháng
- Mức lương Kiểm soát viên chuyên trách	16.000.000	Đồng/tháng
- Mức thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách	3.200.000	Đồng/tháng

1.2. Nguyên tắc trả lương:

- Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó không hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS

HĐQT hưởng lương chuyên trách gồm có 02 người: Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT.

HĐQT hưởng thù lao có: 01 người.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 02 người, Trưởng BKS, 01 Thành viên.
BKS hưởng thù lao có 01 người.

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch theo mức lương và thù lao được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua là: 1.322.400.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Sản lượng nước sạch doanh thu	m ³	58.300.000	57.837.225	99,21%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	517.800	529.670	102,29%
3	Lao động bình quân (không kể người quản lý điều hành)	Người	945	927	98,10%
4	Năng suất lao động	m ³ /ng/năm	61.693	62.392	101,13%
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	63.300	71.090	112,31%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	52.900	52.915	100,03%
7	Bảo toàn và PT vốn	Tr.đ	427.314,8	433.899,6	101,54%

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 của HĐQT, BKS giữ nguyên theo kế hoạch là: .322.400.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

2. Mức tiền lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2023.

2.1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng nước sạch	m ³	58.850.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	526.000
3	Lao động bình quân	Người	943
4	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	8,725
5	Năng suất lao động	m ³ /ng/năm	62.407
6	Nộp ngân sách	Triệu đồng	69.900
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	53.300
8	Bảo toàn và PT vốn	Triệu đồng	433.899,6

2.2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của HĐQT, BKS.

Mức lương, thù lao, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2023 như sau:

TT	Chức danh quản lý	Mức lương (đồng/tháng)	Mức thù lao (đồng/tháng)	Số tháng	Tổng tiền lương KH (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	32.000.000		12	384.000.000
2	Phó CT HĐQT	28.500.000		12	342.000.000
3	Thành viên HĐQT (CTr)	25.000.000		0	0

4	Thành viên HĐQT (không CTr)		6.000.000	12	72.000.000
5	Trưởng BKS (CTr)	24.500.000		12	294.000.000
6	Thành viên BKS (CTr)	16.000.000		12	192.000.000
7	Thành viên BKS (CTr)	16.000.000		12	192.000.000
	Tổng cộng :				1.476.000.000

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của HĐQT, BKS là: 1.476.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

2.3. Quyết toán tiền lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao thực hiện.

Cuối năm, căn cứ vào mức lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch tại khoản 2 mục II ; Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 tại khoản 1 mục II Tờ trình này và quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Điều 9. Thông qua Báo cáo công khai lợi ích liên quan của người nội bộ.

Điều 10: Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được công bố trên trang Website: hdwaco.com.vn.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Cổ đông chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát và tổ chức thực hiện cá nội dung của bản nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương biểu quyết thông qua toàn văn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/4/2023.

Nơi nhận:

- Tài liệu Đại hội;
- Như Điều 10;
- Lưu VT.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Vũ Mạnh Dũng